TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7-2022
V/v: "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Kim Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lục Văn Khai và ông Lương Anh Tuấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình *tham gia phiên toà:*

Ông, bà: Nguyễn Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị N, sinh năm 1996; có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái

Bị đơn: Anh Đặng Thành Ch, sinh năm 1989; có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2022, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Chu Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đặng Thành C trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2017 tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc bình thường. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C hay uống rượu về chửi mắng, đánh đập vợ, có lối sống ích kỷ, gia trưởng, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sống nhưng anh C đến mang theo dao đến doạ nếu không về sẽ chém chết, dùng xăng đốt hết quần áo và toàn bộ giấy tờ tuỳ thân của chị. Vợ chồng, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị N xác định tình

cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Thành C.

- *Về con chung*: Chị N và anh C có 01 con chung là cháu Đặng Ngọc Q, sinh ngày 15/02/2014 ly hôn chị nguyện vọng giao cháu cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt cho anh C nhưng không có mặt, đã thông báo bằng điện thoại cho anh C và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi ở và địa phương của anh C nhưng anh Đặng Thành C không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà anh Chính khai như sau:

Về hôn nhân: Tôi và cô Chu Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã X vào ngày 04/12/2017. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2021 thì cô N đòi đi làm thuê, có thai rồi tự đi phá, không bàn bạc với chồng, rồi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn rồi chị N tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị N xin ly hôn thì quan điểm của tôi là nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có 1 con chung cháu Đặng Ngọc Q, sinh ngày 15/02/2014 ly hôn tôi nguyện vọng được nuôi con, hiện nay tôi làm thợ xây, thu nhập trung bình 300.000 đồng/ ngày, có nhà ở ổn định nên có thể đảm bảo cuộc sống của con. Tôi không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81,82 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Chị Chu Thị N được ly hôn với anh Đặng Thành C.

Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Ngọc Q, sinh ngày 14/2/2014 cho anh Đặng Thành C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung .

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Chu Thị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Chu Thị N phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Nguyên đơn chị Chu Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Chu Thị N và anh Đặng Thành C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 24/12/2012, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập anh C nhiều lần để hoà giải giữa hai vợ chồng nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do thể hiện việc anh C không có thiện chí hoà giải. Qua xác nhận thông tin cư trú tại địa phương, thì được biết anh Đặng Thành C vẫn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 1 , xã X, huyện Y. Toà án đã làm các thủ thủ tục tống đạt, niêm yết tại địa phương và thông báo bằng điện thoại cho anh C nhiều lần nhưng anh C không có mặt nên không thể hiện ý kiến của mình trong hồ sơ do anh C không hợp tác. Tại phiên toà hôm nay anh C có mặt và trình bày tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, anh nhất trí ly hôn. Do vậy đề nghị ly hôn của chị N đưa ra là có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị N được ly hôn với anh C.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị N và anh C có 01 con chung là cháu Đặng Ngọc Q, sinh ngày 14/2/2014 ly hôn chị N có nguyện vọng được giao con cho anh C nuôi dưỡng, anh chị cũng có đơn yêu cầu công nhận sự thoả thuận của anh chị là giao cháu Đặng Ngọc Q cho anh C nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung, mặt khác cháu Q cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Qua xác minh, và tại phiên toà anh C trình bày kể

từ khi anh chị sống ly thân đến nay thì cháu Q vẫn sinh sống cùng với anh có cuộc sống và học tập ổn định. Anh C hiện nay đang làm lao động tự do tại địa phương, thu nhập trung bình cũng được 300.000 đồng/ ngày. Đảm bảo được cuộc sống của hai bố con. Do đó việc thoả thuận của anh chị là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Q do vậy cần được chấp nhận.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung:* Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị Chu Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81,82 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Chị Chu Thị N được ly hôn với anh Đặng Thành C.

2.Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Ngọc Q, sinh ngày 14/2/2014 cho anh Đặng Thành C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung .

3. Về án phí: Chị Chu Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai số AA/2021/0001678 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình (chị N đã nộp đủ án phí).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Chính hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái
- VKSND huyện Y;
- THA DS huyện Y
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Hoàng Kim Sơn